

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 134/2018/DSPT

Ngày: 06-9-2018

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Hồng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Trường

Bà Sơn Nữ Phà Ca

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Thị Thúy Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Ngọc Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 93/2018/TLPT-DS ngày 18 tháng 6 năm 2018, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 10/2018/DS-ST ngày 09 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo và bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 181/2018/QĐ-PT ngày 09 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Hồng P, sinh năm 1979; Nơi cư trú: Ấp X, xã L, huyện B, tỉnh Vĩnh Long, có mặt.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1994; Nơi cư trú: Ấp P, xã M, huyện T, Vĩnh Long, có mặt. (Theo văn bản ủy quyền ngày 17/7/2018).

Người bảo vệ quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Cao Văn T, Công ty luật T thuộc đoàn Luật sư tỉnh Vĩnh Long, có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Lê Trung L (Tên gọi khác: Đ), sinh năm 1985; Nơi cư trú: Ấp Y, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

3. *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị Hồng P – Là nguyên đơn.

4. *Viện kiểm sát kháng nghị*: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 01/9/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng P trình bày:

Bà Nguyễn Thị Hồng P có cho ông Lê Trung L vay số tiền 240.000.000đồng, lãi suất 5%/tháng, không L biên nhận chia làm 04 lần vay cụ thể như sau: Lần thứ nhất vào ngày 25/11/2014 ông L vay 50.000.000đồng, lần 2 ngày 30/11/2014 vay 70.000.000đồng, lần 3 ngày 17/12/2014 vay 50.000.000đồng, lần 4 ngày 19/4/2015 vay 70.000.000đồng. Sau khi vay ông L đóng lãi cho bà P được 03 lần với tổng số tiền 36.000.000đồng, trong đó có 02 lần ông L trực tiếp đóng lãi còn 01 lần ông L nhờ T1 ở B thuộc xã T đóng lãi dùm. Để có tiền cho ông L vay bà P đã vay tiền của người khác sau đó cho ông L vay lại. Từ ngày 25/5/2015 đến ngày 25/10/2015 thì bà P đóng dùm ông L 06 tháng tiền lãi với số tiền 72.000.000đồng. Từ ngày 25/11/2015 đến ngày 25/8/2017 bà đóng dùm ông L 22 tháng tiền lãi với lãi suất 1%/tháng bằng 52.800.000đồng. Nay bà P yêu cầu ông L trả lại số tiền 364.800.000đồng trong đó tiền gốc là 240.000.000đồng và tiền lãi là 124.800.000đồng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 06/10/2017 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Lê Trung L (Đ) trình bày: Ông L không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà P vì ông không có vay tiền của bà P.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 10/2018/DSST ngày 09/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

Áp dụng Điều 21, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 463, 465, 466, 468, 469 Bộ luật Dân sự.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: bác yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hồng P đòi ông Lê Trung L (Đ) trả số tiền vay vốn 240.000.000đồng và tiền lãi 124.800.000đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án; về án phí dân sự sơ thẩm các đương sự phải chịu và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 21/5/2018, nguyên đơn Nguyễn Thị Hồng P kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm buộc ông Lê Trung L trả cho bà số tiền vay 240.000.000đồng và tiền lãi là 124.800.000đồng.

Ngày 22/5/2018, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long kháng nghị một phần bản án sơ thẩm với nội dung: Việc án sơ thẩm tuyên giảm 50% án phí cho bà P vì hoàn cảnh kinh tế khó khăn là không đúng vì không thuộc trường hợp được quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 326 về miễn giảm án phí gây thất thu cho ngân sách nhà nước là 9.120.000đồng. Ngoài ra án sơ thẩm áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 để tuyên buộc bà P nộp án phí sơ thẩm là không đúng trong trường hợp này phải áp dụng khoản 3 Điều 26 Nghị quyết 326 mới phù hợp. Do đó đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần án sơ thẩm về xác định án phí mà bà P phải chịu.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn Nguyễn Thị Hồng P có bà Nguyễn Thị Ngọc H đại diện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm buộc ông Lê Trung L (Đ) trả cho bà số tiền vay 240.000.000đồng và số tiền lãi 81.000.000 đồng. Nguyên đơn bà P có bà H đại diện rút một phần yêu cầu khởi kiện đòi bị đơn trả số tiền lãi 43.800.000 đồng.

Luật sư bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho nguyên đơn đề nghị chấp nhận kháng cáo của bà P buộc ông Lê Trung L trả cho bà số tiền vay 240.000.000đồng và tiền lãi là 81.000.000đồng.

Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long vẫn giữ nguyên kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, đề nghị Hội đồng xét xử sửa một phần án sơ thẩm về xác định án phí mà bà P phải chịu theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị đơn Lê Trung L không đồng ý theo yêu cầu kháng cáo của bà P, đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự tham gia tố tụng chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vị kiểm sát viên đề nghị: Đình chỉ việc giải quyết vụ án đối với việc nguyên đơn rút yêu cầu đòi bị đơn ông L trả số tiền lãi 43.800.000 đồng. Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà P kiện đòi ông L (Đ) trả cho bà số tiền vay 240.000.000đồng và tiền lãi là 81.000.000đồng, buộc bà P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết

326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân kháng nghị và nguyên đơn Nguyễn Thị Hồng P kháng cáo trong hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm bà H đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đòi bị đơn trả số tiền lãi 43.800.000 đồng. Do đó hủy và đình chỉ việc giải quyết vụ án đối với việc nguyên đơn Nguyễn Thị Hồng P rút yêu cầu đòi bị đơn Lê Trung L trả số tiền lãi 43.800.000 đồng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 299 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Nguyên đơn bà P khai đã cho ông L (tên gọi khác là Đ) vay 04 lần, tổng cộng số tiền vay là 240.000.000 đồng, các lần vay đều không có làm biên nhận giao nhận tiền. Nhưng sau khi vay ông L có đóng tiền lãi được 03 lần, mỗi lần đóng lãi là 12.000.000 đồng. Cụ thể ông L trực tiếp trả lãi cho bà P hai lần, một lần do ông L gửi tiền cho anh Đào Công T2 (tên gọi khác là T1) đem tiền đến trả tiền lãi cho bà P. Sau đó ông L không trả thêm tiền lãi và không trả tiền vay nên bà P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông L trả lại cho bà số tiền vay 240.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 25/5/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất do pháp luật quy định bằng 81.000.000 đồng. Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 321.000.000 đồng.

Bị đơn ông L không thừa nhận có vay và nợ bà P số tiền 240.000.000 đồng. Đối với số tiền 10.000.000 đồng do ông L gửi anh T2 trả cho bà P là số tiền do ông L hùn làm ăn với bà P bị thua lỗ nên ông L gửi trả cho bà P chứ không phải tiền đóng lãi.

Xét lời khai của người những người làm chứng: Anh Đào Công T2 đã khai “vào ngày tháng không nhớ, ông L có gửi cho anh T2 số tiền 10.000.000 đồng nhờ đưa cho bà P, khi ông L gửi tiền anh T2 chỉ nhờ đưa dùm chứ không nói đó là tiền gì, nên khi nhận tiền anh T2 đem đưa cho bà P 10.000.000 đồng, khi nhận tiền bà P cũng không có nói gì”; Người làm chứng là ông Dương Đỗ Trọng N khai: “Vào năm 2013 ông N sống chung với bà P và biết ông L có hùn làm ăn với bà P, đến cuối năm 2014 ông N thấy bà P cho ông L mượn tiền, khi bà P đưa tiền cho ông L thì ông N có nhìn thấy nhưng không biết rõ số tiền là bao nhiêu, sau tết năm 2015 ông L có đến nhà của ông N và bà P đưa tiền cho bà

P nhưng ông N cũng không biết rõ số tiền. Qua ít ngày hôm sau thì ông N nghe bà P nói L trả tiền lãi 12.000.000 đồng”; Người làm chứng Trần Thị Yến T3 khai: “bà có cho bà P mượn số tiền 240.000.000 đồng. Khi bà P hỏi vay tiền thì có nói là để cho ông L vay lại. Bà P có trả lãi được 3 tháng thì không đóng lãi. Khi bà T3 đòi bà P thì bà P có điện thoại cho ông L kêu đem tiền đến trả cho bà. Bà T3 và bà P ngồi chờ tại quán cà phê. Nhưng sau đó bà P điện thoại cho L thì L không đến nên P và bà T3 ra về”. Như vậy căn cứ vào các lời khai của những người làm chứng chưa đủ cơ sở để chứng minh ông L vay và còn nợ bà P số tiền 240.000.000 đồng.

Đối với chứng cứ do bà P cung cấp là một USB ghi âm 02 cuộc nói chuyện giữa bà với ông L có kèm theo tờ trình ngày 11/01/2017 của bà P về nội dung ghi âm (Bút lục số 17, 17a, 17b, 17c). Tuy nhiên qua xem xét nội dung ghi âm cuộc giữa bà P và ông L cũng không đủ căn cứ xác định ông L vay của bà P số tiền 240.000.000 đồng như lời trình bày của bà P.

Do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà P yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông L trả cho bà số tiền vay 240.000.000 đồng và tiền lãi 81.000.000 đồng.

[4] Xét nguyên đơn bà P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông L trả số tiền vay 240.000.000 đồng và tiền lãi 81.000.000 đồng. Do yêu cầu của nguyên đơn không được Tòa án chấp nhận nên bà P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Bà P không thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại Điều 13 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nhưng Tòa án cấp sơ thẩm miễn giảm cho bà P 50% án phí là chưa phù hợp theo quy định của pháp luật. Nên chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long. Sửa án sơ thẩm, buộc bà P phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do đó, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Nguyễn Thị Hồng P; Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long. Sửa bản án sơ thẩm, áp dụng khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 3 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bà P phải chịu 16.050.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Do sửa án sơ thẩm nên các đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 289, khoản 2, khoản 4 Điều 308, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26, Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Hủy và đình chỉ việc giải quyết vụ án đối với việc nguyên đơn Nguyễn Thị Hồng P rút yêu cầu khởi kiện đòi bị đơn Lê Trung L (Đ) trả số tiền lãi 43.800.000 đồng (Bốn mươi ba triệu tám trăm ngàn đồng).

2. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng P; Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 10/2018/DSST ngày 09/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long:

2.1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Hồng P đòi ông Lê Trung L (Đ) trả cho bà P số tiền vay 240.000.000đồng (Hai trăm bốn mươi triệu đồng) và tiền lãi là 81.000.000đồng (Tám mươi một triệu đồng).

2.2. Về án phí:

- Buộc bà Nguyễn Thị Hồng P phải nộp 16.050.000đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 4.560.000 đồng theo biên lai thu số 0011891 ngày 11/9/2017 và số tiền nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng theo biên lai thu số 0012177 ngày 21/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Tân. Bà P còn phải nộp 11.190.000đồng (Mười một triệu một trăm chín mươi ngàn đồng).

- Bà P không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại TP.HCM: 01;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long: 02;
- Tổ NV TAND tỉnh Vĩnh Long: 02;
- TAND huyện Bình Tân: 01;
- Chi cục THA.DS h. Bình Tân: 01;
- Đường sự: 02
- Lưu hồ sơ vụ án: 06.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Thúy Hồng